

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM SÁCH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2584 /QĐ-UBND

Nam Sách, ngày 20 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tiết kiệm, cắt giảm 5% chi thường xuyên nguồn ngân sách Nhà nước; nguồn thu sự nghiệp được để lại theo chế độ đã giao đầu năm 2024 đối với các cơ quan, đơn vị dự toán huyện theo Nghị quyết số 119/NQ-CP, ngày 07/8/2024 của Chính phủ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 3028/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND tỉnh Hải Dương về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2024;

Thực hiện Công văn số 3170/STC-QLNS, ngày 08/8/2024 của Sở Tài chính tỉnh Hải Dương về việc xác định kinh phí tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 theo Nghị quyết 119/NQ-CP của Chính phủ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch tại Tờ trình số 102/TTr-TCKH ngày 20/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiết kiệm, cắt giảm 5% chi thường xuyên từ nguồn ngân sách nhà nước; nguồn thu sự nghiệp được để lại theo chế độ đã giao đầu năm 2024 đối với các cơ quan, đơn vị dự toán huyện theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ, tổng số tiền **981.993.000 đồng** (Chín trăm tám mươi một triệu chín trăm chín mươi ba nghìn đồng), cụ thể như sau:

- Kinh phí tiết kiệm, cắt giảm 5% chi thường xuyên từ nguồn ngân sách nhà nước, số tiền: **937.223.000 đồng** (Chín trăm ba mươi bảy triệu hai trăm hai mươi ba nghìn đồng).

(Chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm)

- Kinh phí tiết kiệm, cắt giảm 5% chi thường xuyên từ nguồn thu sự nghiệp được để lại theo chế độ, số tiền: **44.770.000 đồng** (Bốn mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

(Chi tiết theo phụ lục 03 đính kèm)

Điều 2. Phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp Kho bạc Nhà nước huyện thực hiện giữ lại số kinh phí tiết kiệm, cắt giảm 5% chi thường xuyên từ nguồn ngân sách nhà nước đối với các cơ quan, đơn vị dự toán huyện.

- Các đơn vị sự nghiệp sử dụng nguồn thu được để lại (sau khi trích tối thiểu 40% số thu để thực hiện cải cách tiền lương) trích số kinh phí tiết kiệm, cắt giảm 5% chi thường xuyên vào quỹ hoạt động sự nghiệp của đơn vị để tăng đầu tư phát triển hoạt động sự nghiệp.

Phòng Tài chính - Kế hoạch, Kho bạc Nhà nước huyện theo chức năng nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCKH.



CHI TIẾT KINH PHÍ TIẾT KIỆM 5% TĂNG THÊM CHI THƯỜNG XUYÊN TỪ NGUỒN NSNN CỦA CÁC TRƯỜNG TÂM GDNN-GDTH HUYỆN NĂM 2024



(Kèm theo Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 20 / 09 /2024 của UBND huyện Nam Sách)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Kinh phí tiết kiệm, cắt giảm 5% chi thường xuyên năm 2024 theo Nghị quyết số 119/NQ-CP, ngày 07/8/2024 của Chính phủ	Trong đó		Ghi chú
			Kinh phí giao thực hiện tự chủ/chi thường xuyên	Kinh phí giao thực hiện tự chủ/chi không thường xuyên	
	Tổng số	301.351.000	186.052.000	115.299.000	
I	CÁC TRƯỜNG MẦM NON	100.574.000	45.574.000	55.000.000	
1	Mạc Thị Bưởi	1.330.000	1.330.000		
2	Nam Hưng	9.608.000	2.108.000	7.500.000	
3	Quốc Tuấn	6.820.000	1.820.000	5.000.000	
4	Thanh Quang	380.000	380.000		
5	Nam Chính	3.395.000	3.395.000		
6	Hiệp Cát	2.965.000	2.965.000		
7	Thái Tân	3.030.000	3.030.000		
8	Nguyễn Đức Sáu	14.118.000	9.118.000	5.000.000	
9	Nam Hồng	6.387.000	1.387.000	5.000.000	
10	Hồng Phong	2.453.000	2.453.000		
11	Nam Trung	1.894.000	1.894.000		
12	An Sơn	2.865.000	2.865.000		
13	Phú Điền	7.510.000	2.510.000	5.000.000	
14	Đồng Lạc	5.675.000	675.000	5.000.000	
15	Thị trấn Nam Sách	11.828.000	1.828.000	10.000.000	
16	An Bình	1.922.000	1.922.000		
17	An Lâm	1.600.000	1.600.000		
18	Cộng Hoà	9.737.000	2.237.000	7.500.000	
19	Hợp Tiến	7.057.000	2.057.000	5.000.000	
II	CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC	95.896.000	65.896.000	30.000.000	
1	Mạc Thị Bưởi	5.447.000	5.447.000		
2	Nam Hưng	3.357.000	3.357.000		
3	Quốc Tuấn	2.097.000	2.097.000		
4	Hiệp Cát	3.477.000	3.477.000		
5	Thái Tân	5.976.000	5.976.000		
6	Nam Hồng	2.000.000	2.000.000		

STT	Nội dung	Kinh phí tiết kiệm, cắt giảm 5% chi thường xuyên năm 2024 theo Nghị quyết số 119/NQ- CP, ngày 07/8/2024 của Chính phủ	Trong đó		Ghi chú
			Kinh phí giao thực hiện tự chủ/chi thường xuyên	Kinh phí giao thực hiện tự chủ/chi không thường xuyên	
7	Nam Trung	14.313.000	9.313.000	5.000.000	
8	An Sơn	1.526.000	1.526.000		
9	Phùng Văn Trinh	3.522.000	3.522.000		
10	Thị trấn Nam Sách	14.353.000	4.353.000	10.000.000	
11	An Bình	14.445.000	6.945.000	7.500.000	
12	An Lâm	6.880.000	6.880.000		
13	Cộng Hoà	9.836.000	2.336.000	7.500.000	
14	Hợp Tiến	8.667.000	8.667.000		
III	CÁC TRƯỜNG THCS	79.128.000	48.829.000	30.299.000	
1	Mạc Thị Bưởi	1.533.000	1.533.000		
2	Nam Hưng	10.750.000	3.250.000	7.500.000	
3	Quốc Tuấn	3.453.000	3.453.000		
4	Hiệp Cát	9.035.000	4.035.000	5.000.000	
5	Thái Tân	13.685.000	8.685.000	5.000.000	
6	Nam Hồng	7.049.000	1.750.000	5.299.000	
7	Nam Trung	1.250.000	1.250.000		
8	An Sơn	5.530.000	5.530.000		
9	Đồng Lạc	9.250.000	1.750.000	7.500.000	
10	Thị trấn Nam Sách	2.333.000	2.333.000		
11	An Bình	2.720.000	2.720.000		
12	An Lâm	3.251.000	3.251.000		
13	Cộng Hoà	1.674.000	1.674.000		
14	Hợp Tiến	5.415.000	5.415.000		
15	Nguyễn Trãi	2.200.000	2.200.000		
IV	CÁC TRƯỜNG TH& THCS	20.253.000	20.253.000		
1	Nguyễn Đức Sáu	3.560.000	3.560.000		
2	Thanh Quang	3.925.000	3.925.000		
3	Nam Chính	5.468.000	5.468.000		
4	Hồng Phong	4.300.000	4.300.000		
5	Phú Điền	3.000.000	3.000.000		
V	TRUNG TÂM GDNN-GDTX	5.500.000	5.500.000		

DỰ TOÁN BỔ SUNG THU, CHI NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trường TH Cộng Hòa

(Kèm theo Quyết định số: 2584/QĐ-UBND ngày 20 tháng 09 năm 2024 của UBND huyện Nam Sách)

Chương 622, Loại 070 Khoản 072

Mã KBNN: 0363

Mã số ĐVSDNS: 1043378

Mã số CTMT (Nếu có):

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Tổng số
I. Tổng số thu, chi, nộp ngân sách	
1. Số thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp	
- Học phí	
2. Chi từ nguồn thu được để lại	
- Học phí	
Trong đó: 40% dành để CCTL	
3. Số nộp NSNN	
(Chi tiết theo từng nội dung)	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước (1+2+3+4)	(9.836.000)
Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ (thường xuyên)	(2.336.000)
- Kinh phí không thực hiện tự chủ (không TX)	(7.500.000)
1. Giáo dục, đào tạo, dạy nghề	(9.836.000)
1.1 Kinh phí thường xuyên (đã trừ 10% TK để CCTL)	(2.336.000)
1.2 Kinh phí không thường xuyên	(7.500.000)
2. Quản lý hành chính	
2.1 Kinh phí thực hiện tự chủ (đã trừ 20% TK để CCTL)	
1.2 Kinh phí không thường xuyên	
3. Nghiên cứu khoa học	
3.1 Kinh phí thường xuyên đã trừ TK 20%	
3.2 Kinh phí không thường xuyên đã trừ TK 20%	
4. Sự nghiệp khác	
4.1 Kinh phí thường xuyên (đã trừ 20% TK để CCTL)	
4.2 Kinh phí không thường xuyên	
Địa điểm KBNN nơi đơn vị SDNS giao dịch: KBNN Nam Sách	
Tài khoản giao dịch tại KBNN: Nam Sách	

Ngày 20 tháng 09 năm 2024

PHÒNG TÀI CHÍNH - KH

KẾ TOÁN

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



TRƯỞNG PHÒNG
TRẦN THỊ THANH HUYỀN

Nguyễn Thị Thu Hương



HIỆU TRƯỞNG
Đinh Thị Hòa